

16TCN-ĐT

TT	Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Sô giờ lên lớp	LT	TH	Ghi chú
Học kỳ 3			495			
Môn học, mô đun bắt buộc						
1	2302092103	Toán 3	105			
2	2302092107	Vật lí 3	60			
3	2302092111	Hóa học 3	60			
4	2302092115	Ngữ văn 3	60			
5	2302022217	Điện cơ bản	105	32	73	Ngành ĐTCN
6	2302022221	Máy điện	60	32	28	
7	2302022227	Trang bị điện	45	16	29	
Môn học, mô đun tự chọn						
Học kỳ 4			495			
Môn học, mô đun bắt buộc						
1	2302092104	Toán 4	105			
2	2302092108	Vật lí 4	60			
3	2302092112	Hóa học 4	60			
4	2302092116	Ngữ văn 4	60			
5	2302022225	Kỹ thuật cảm biến	105	47	58	
6	2302022223	Kỹ thuật xung - số	105	47	58	Ngành ĐTCN
Môn học, mô đun tự chọn						